

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum nhận được Công văn số 532/STC-QLNS, ngày 24/02/2020 của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Quy định mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân của hành vi mua bán người và các hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Thẩm quyền ban hành

Khoản 3, Điều 7 Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người (*sau đây gọi tắt là Thông tư số 84/2019/TT-BTC*) quy định: “*Căn cứ các mức chi quy định tại Thông tư này, tùy điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp*”.

Căn cứ quy định trên, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân bị xâm hại bởi một số hành vi được quy định trong Luật phòng chống, mua bán người áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh: Sở Tư pháp nhận thấy phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết và Quy định dự kiến ban hành kèm theo chưa chính xác,

chưa phù hợp với quy định của Luật phòng chống mua, bán người; điểm a, khoản 1 Điều 1 Thông tư số 84/2019/TT-BTC. Cụ thể, theo tên gọi (*trích yếu*) của dự thảo Nghị quyết, tên gọi của dự thảo và gạch đầu dòng (-) thứ nhất khoản 1 Điều 1 của Quy định dự kiến ban hành kèm theo thì nạn nhân của các hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng chống mua người cũng được hỗ trợ. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật phòng, chống mua bán người thì nạn nhân là người bị xâm hại bởi hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 3 của Luật phòng, chống mua bán người. Như vậy, chỉ những người bị xâm hại bởi các hành vi được quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 3 của Luật phòng, chống mua bán người mới được coi là nạn nhân. Nạn nhân của một số hành vi vi phạm pháp luật khác về phòng, chống mua bán người không được coi là nạn nhân của việc mua, bán người (*ví dụ: nạn nhân của hành vi được quy định tại khoản 6, khoản 8 Điều 3 Luật phòng chống mua bán người*).

Do chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết, dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo. Theo quan điểm của Sở Tư pháp, tên gọi của dự thảo Nghị quyết, dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo có thể biên tập lại theo hướng sau để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thông báo số 04/TB-HĐND: “*Quy định mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”. Khi chỉnh lý lại tên gọi dự thảo Nghị quyết, Quy định dự kiến ban hành kèm theo như trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý các nội dung có liên quan.

2.2. *Đối tượng áp dụng*: Cơ quan thẩm định nhận thấy, đối tượng áp dụng được quy định tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo là chưa đầy đủ. Theo quan điểm của Sở Tư pháp, ngoài đối tượng áp dụng đã được dự kiến tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định thì đối tượng áp dụng của Nghị quyết còn phải có **nạn nhân** được quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người (*hoặc người được quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật phòng, chống mua bán người*). Với lý do trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, nghiên cứu bổ sung đối tượng áp dụng của Nghị quyết để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo trong hệ thống pháp luật

Về cơ bản, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết, Quy định dự kiến ban hành kèm theo đảm bảo sự phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn, thống nhất với các quy định khác do Hội đồng nhân

dân tỉnh đã ban hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung, điều chỉnh một số nội dung sau:

3.1. Đề nghị xem xét lại phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng với lý do đã được trình bày tại mục 2 của Báo cáo này.

3.2. Đề nghị không quy định trong Nghị quyết nội dung tại khoản 3 Điều 2. Nội dung được dự kiến tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết cần biên tập trong dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo. Lý do: Quy định dự kiến ban hành kèm theo mới dẫn chiếu đến các văn bản sẽ có thể được sửa đổi, bổ sung, thay thế. Vì vậy, việc dự kiến nội dung này tại Nghị quyết là không phù hợp.

3.3. Dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo viện dẫn tới Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh Kon Tum quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND. Tuy nhiên, Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND còn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh Kon Tum (*sửa đổi, bổ sung phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND; sửa đổi, bổ sung Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND*). Vì vậy, khi viện dẫn đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, viện dẫn đầy đủ văn bản được sửa đổi, bổ sung; văn bản sửa đổi, bổ sung.

3.4. Đề nghị bỏ cụm từ “*và các văn bản hướng dẫn Nghị định*” tại gạch đầu dòng (-) thứ nhất tiết a, điểm 2.3 khoản 2 Điều 2 dự thảo Quy định. Lý do: Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH là văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Nghị định số 86/2015/NĐ-CP. Vì vậy, khi viện dẫn Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH không cần thiết có cụm từ trên.

3.5. Gạch đầu dòng (-) thứ 2 tiết a, điểm 2.3 khoản 2 Điều 2 dự thảo Quy định liệt kê nạn nhân thuộc diện được hỗ trợ một lần chi phí học nghề. Tuy nhiên, trên thực tế, có nạn nhân không thuộc đối tượng được liệt kê trong dự thảo (*ví dụ: là nam giới không là lao động nông thôn và không thuộc trường hợp đã được dự thảo dự kiến*). Với trường hợp này, nạn nhân không được hỗ trợ và điều này là không phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 84/2019/TT-BTC (*nạn nhân học nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng được hỗ trợ*). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại quy định tại gạch đầu dòng (-) thứ 2 tiết a, điểm 2.3 khoản 2 Điều 2 dự thảo Quy định.

3.6. Sở Tư pháp nhận thấy, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân phù hợp với quy định của Thông tư số

84/2019/TT-BTC. Tuy nhiên mức chi cụ thể, đề nghị Sở Tài chính phối hợp Sở Lao động, Thương binh và Xã hội căn cứ khả năng ngân sách của địa phương, thực tiễn trong công tác hỗ trợ nạn nhân để dự kiến trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (*Sở Tư pháp không thẩm định mức chi cụ thể*).

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo chưa được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Mẫu số 17, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Mẫu số 17, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để trình bày đúng.

Theo quan điểm của Sở Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo nên tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định trực tiếp các nội dung đã dự kiến (*không ban hành Quy định kèm theo*). Khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định trực tiếp, có thể biên tập dự thảo theo hướng sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 4. Mức chi công tác hỗ trợ nạn nhân

Điều 5. Mức chi chế độ hỗ trợ trực tiếp nạn nhân

Điều 6. Điều khoản thi hành.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Cơ quan soạn thảo đã chủ trì, phối hợp tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan; phối hợp tổ chức việc đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh theo đúng quy định tại Điều 120 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi Sở Tài chính điều chỉnh lại nội dung được đề nghị trong Báo cáo này. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo Điều 122, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng

thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý tới Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 130, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Kính gửi Sở Tài chính theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu VT, XD, KTrVB&TDTHPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Minh Thắng